

Số: **30/2026/QĐST-DS**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 427/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế tín dụng*”.*

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: 2 Cách Mạng tháng T, phường B, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V - Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên Q nợ và khai thác tài sản-Ngân hàng TMCP N (Công ty A - N1); Địa chỉ: SR 18-19 Trung tâm thương mại Q1, số G N, phường Q, tỉnh Gia Lai; Người đại diện: Ông Nguyễn Danh T, chức vụ: Chủ tịch Công ty (theo Giấy ủy quyền số 147/2023 ngày 23/11/2023); Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn T1, chức vụ: Phó tổng Công ty (theo Giấy ủy quyền số 832/2023 ngày 23/11/2023); Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị T2, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: A - A N, phường H, TP . (theo Giấy ủy quyền số 1457/2025/UQ-AMC ngày 24/10/2025)

- Bị đơn: Ông Lê P - sinh năm: 1986; Địa chỉ: K N, phường H, TP Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 22/4/2026, ông Lê P còn nợ/và đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền: **190.575.908đồng**; Trong đó: Nợ gốc: 85.414.737 đồng; Nợ lãi trong hạn: 31.463.247 đồng; Nợ lãi quá hạn: 58.928.205 đồng; Phạt chậm trả lãi: 14.769.719

đồng; và tiền lãi/phí phát sinh kể từ ngày 23/4/2026 cho đến khi ông Lê Phúc tất T3 toàn bộ nợ gốc/lãi cho N1, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 0103/2017/408-CV.KTS ký ngày 02/08/2017; Hợp đồng tín dụng số 0004/2018/408-CV.KTS ký ngày 12/01/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ số 0771/2017/408-CV ký ngày 21/08/2017.

2.2. Thời hạn thanh toán: Chia 03 lần.

Lần 1: Ngày 22/5/2026 thanh toán số tiền 50.000.000đồng.

Lần 2: Ngày 22/6/2026 thanh toán số tiền 50.000.000đồng.

Lần 3: Ngày 22/7/2026 thanh toán số tiền 90.575.908đồng. Và tiền lãi/phí phát sinh kể từ ngày 23/4/2026, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 0103/2017/408-CV.KTS ký ngày 02/08/2017; Hợp đồng tín dụng số 0004/2018/408-CV.KTS ký ngày 12/01/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ số 0771/2017/408-CV ký ngày 21/08/2017.

2.3. Thứ tự ưu tiên thanh toán: Thu nợ gốc trước, thu tiền lãi sau.

2.4. Án phí DSST: Do ông Lê P có đơn xin giảm tiền tạm ứng án phí, có xác nhận của UBND phường H, Đà Nẵng, nên được giảm 50% tiền án phí DSST. Số tiền án phí DSST ông Lê Phúc C là: 4.764.000đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.565.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006066 ngày 25/11/2025, tại Thi hành án dân sự T4.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- Phòng THADS KV4;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

